

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15; Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 144/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm tại các đô thị, các khu, cụm công nghiệp nằm trong phạm vi đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

b) Quyết định này không áp dụng đối với cơ sở dữ liệu công trình ngầm phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi tham

gia các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị.

Điều 2. Các hành vi nghiêm cấm

1. Chiếm đoạt, làm hỏng, cố ý làm mất thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị.
2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị.
3. Mua bán, chuyển giao, hủy trái phép thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị.
4. Sử dụng thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
5. Lợi dụng việc cung cấp thông tin, dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các thông tin, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.
6. Những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các thông tin, dữ liệu về công trình ngầm đô thị.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Sở Xây dựng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý thông tin chung về dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn toàn tỉnh; lưu trữ và cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc cấp tỉnh quản lý.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin về dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc địa bàn quản lý (trừ các khu công nghiệp và khu kinh tế).
3. Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin về dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp và khu kinh tế thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu hạ tầng ngầm đô thị quy định tại Điều 3 Quyết định này.
2. Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 2 Quyết định này.
3. Không được chuyển dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng, trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu theo quy định.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về những sai sót thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của mình.
8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 6. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm đô thị

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm đô thị thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Khai thác và sử dụng dữ liệu công trình ngầm đô thị trên mạng Internet, Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- b) Yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định sau:

- a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu gửi văn bản yêu cầu cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu theo phân cấp tại Điều 4 Quyết định này.
- b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân. Thời hạn cung cấp dữ liệu chậm nhất 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ; trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị

1. Kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD.



2. Chi phí cung cấp tài liệu, dữ liệu về công trình ngầm đô thị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật tiếp cận thông tin.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng công trình ngầm đô thị; quản lý cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Lập kế hoạch và tổng hợp kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra, khảo sát dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh để xây dựng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Cập nhật biến động dữ liệu các công trình ngầm trong đô thị do Sở Xây dựng thẩm định, cấp phép xây dựng theo quy định; cung cấp dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc cấp tỉnh quản lý cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

4. Đăng tải công khai cơ sở dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng và cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang theo quy định hiện hành.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị.

6. Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc cấp tỉnh quản lý.

7. Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành phần mềm ứng dụng GIS về hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị của tỉnh nhằm phục vụ lưu trữ, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu công trình ngầm đô thị trên môi trường điện tử với các cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định.

8. Thông báo với chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm trong phạm vi quản lý của ngành đã được phân công theo Quyết định này về thời hạn phải cung cấp (nộp) hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

9. Tổng hợp, báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm của các đô thị trên địa bàn tỉnh về Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp trên địa bàn quản lý (trừ các Khu công nghiệp và khu kinh tế) để xây dựng cơ sở dữ liệu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Rà soát, cập nhật dữ liệu công trình ngầm đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý và các dự án, công trình ngầm trong đô thị do Ủy ban nhân dân cấp xã đầu tư, thẩm định, cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

3. Quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn quản lý (trừ các Khu công nghiệp và khu kinh tế); cung cấp dữ liệu công trình ngầm cho các tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn quản lý.

5. Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật về lưu trữ; cung cấp dữ liệu công trình ngầm cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

6. Đảm bảo kinh phí quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc trách nhiệm quản lý (trừ các Khu công nghiệp và khu kinh tế).

7. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn do mình quản lý về Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh

1. Lập kế hoạch hàng năm về thu thập, điều tra, khảo sát dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các Khu công nghiệp và khu kinh tế thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý và cung cấp cơ sở dữ liệu về công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp và khu kinh tế.

3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm trong các Khu công nghiệp và khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm trong phạm vi các khu công nghiệp về Sở Xây dựng theo định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 11. Trách nhiệm của chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm đô thị

1. Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu về công trình ngầm đang sở hữu theo quy định.

2. Cung cấp 01 bộ dữ liệu công trình ngầm đang sở hữu theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 11/2010/TT-BXD cho cơ quan quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo phân cấp tại Điều 4 Quyết định này trong vòng 90 ngày kể từ ngày công trình được đưa vào sử dụng, để triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về công trình xây dựng ngầm đô thị; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các dữ liệu do mình cung cấp.

3. Đối với công trình ngầm đã hoàn thành, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, chủ sở hữu có trách nhiệm cung cấp các dữ liệu về công trình ngầm cho cơ quan quản lý theo phân cấp tại Điều 4 Quyết định này. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều này.

4. Cập nhật biến động dữ liệu các công trình ngầm trong đô thị do mình đầu tư, đã được cấp phép xây dựng.

TUYÊN QU

5. Trường hợp Chủ sở hữu công trình ngầm không cung cấp dữ liệu cho cơ quan quản lý theo phân cấp, nếu trong quá trình quy hoạch, xây dựng đô thị gây ảnh hưởng công trình ngầm thì chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả, thiệt hại do việc không cung cấp dữ liệu gây ra.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong công tác quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
3. Bãi bỏ số thứ tự 58 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT -XH tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- TT Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Như Điều 13 (thi hành);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QHĐT XD_(QB).

Báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc